

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 37/2024/HNGĐ - ST
Ngày 20 - 9 - 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HOÁ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Thuận

2. Ông Hà Công Trường

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Ông Lê Hữu Bạo - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 165/2024/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm A, sinh năm 2001

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Số nhà 13, tiểu khu 3, thị trấn H2, huyện H2, tỉnh Thanh Hóa.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 2000

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt chị A, vắng mặt anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 02/8/2024, bản tự khai ngày 12/8/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm A trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H2, huyện H2, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 04 tháng 02 năm 2020. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do: Vợ chồng không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh H thường xuyên nghi ngờ, ghen tuông vô cớ, đánh đập và đối xử với chị thậm tệ. Năm 2021 chị đã làm đơn khởi kiện ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Nông Cống. Quá trình Tòa án giải quyết và hòa giải thì anh H hứa sẽ thay đổi, sửa chữa. Vì thương con nên chị rút đơn về. Vợ chồng sinh thêm con thứ hai. Tuy nhiên, anh H không thay đổi, vẫn ghen tuông và đánh đập chị nhiều hơn, làm cho chị thương tích đầy mình, giam chị như tù giam lỏng và đối xử với chị như kẻ thù. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không được gia đình hòa giải, can ngăn. Ngày 24/7/2024 chị đã trốn khỏi nhà chồng mà không thể mang theo được con đi. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hòa giải đoàn tụ. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án không tiếp tục hòa giải mà giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị và anh H có 2 con chung là Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 04/7/2020 và Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 26/9/2022. Khi ly hôn chị có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc H1 còn anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc K. Do mỗi người nuôi một con nên chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Chị Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 12/8/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Ngọc H trình bày: Về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn anh thống nhất với ý kiến trình bày của chị A. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm. Năm 2021 chị A đã làm đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án. Sau đó, vợ chồng được Tòa án phân tích, hòa giải nên chị A đã rút đơn quay về đoàn tụ. Sau khi quay về chung sống, đến năm 2023 vợ chồng lại tiếp tục mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị Anh có quan hệ ngoại tình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, đã có lần anh dùng bạo lực đối với chị A. Nay chị A xin ly hôn, anh xét thấy vẫn còn tình cảm với chị A nên xin được đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con chung. Trường hợp chị A cương quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.*

- Về con chung: Anh và chị Phạm A có 2 con chung là Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 04/7/2020 và Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 26/9/2022. Nếu vợ chồng ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu đầu Nguyễn Ngọc K

còn chị Anh trực tiếp nuôi dưỡng cháu thứ hai là Nguyễn Ngọc H1. Do mỗi người nuôi một con nên anh không yêu cầu chị Phạm A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại phiên tòa:* Chị Phạm A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Ngọc H. Về con chung: Hiện nay cháu Nguyễn Ngọc H1 đang ở với chị A tại nhà ông bà ngoại còn cháu Nguyễn Ngọc K đang ở với anh H tại nhà ông bà nội. Chị A hiện nay vừa học vừa làm nghề spa, có thu nhập trung bình mỗi tháng là 3.000.000đ và có sự hỗ trợ từ ông bà ngoại. Nguyên vọng của chị A xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc H1 còn anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc K. Do mỗi người nuôi một con nên chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nợ chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được pH1 công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Chị Phạm A và anh Nguyễn Ngọc H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 04/02/2020, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị A được ly hôn anh H.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 26/9/2022 cho chị Phạm A trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 04/7/2020 cho anh Nguyễn Ngọc H trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Phạm A và anh Nguyễn Ngọc H không yêu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Chị A và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị Anh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Anh Nguyễn Ngọc H có hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nên chị Phạm A yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

- Anh Nguyễn Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS để xét xử vắng mặt anh Nguyễn Ngọc H.

[2]. Về nội dung:

- Hôn nH1 giữa chị Phạm A và anh Nguyễn Ngọc H dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân là do mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không còn niềm tin với nhau nên xảy ra cãi nhau và xô xát. Năm 2021, chị A đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, chị A và anh H đã được Tòa án phân tích, hòa giải nên chị A rút đơn khởi kiện để vợ chồng quay về đoàn tụ. Đến nay, chị A và anh H vẫn xảy ra mâu thuẫn nên chị A tiếp tục làm đơn khởi kiện xin ly hôn với anh H. Chị A đã về nhà ngoại ở từ tháng 7/2024, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Tại phiên tòa chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa giải đoàn tụ nên chị xin được ly hôn anh H. Đối với anh H, tại buổi hòa giải, anh H đã giao cháu Nguyễn Ngọc H1 cho chị A rồi tự ý bỏ về. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do, không có biện pháp hòa

giải để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị Phạm A được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H là phù hợp.

- Về con chung: Chị Anh và anh H có 2 con chung là Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 04/7/2020 và Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 26/9/2022. Hiện nay cháu Nguyễn Ngọc H1 đang ở với chị A còn cháu Nguyễn Ngọc K đang ở với anh H. Nếu vợ chồng ly hôn chị A và anh H đều thống nhất chị A trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc H1 còn anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc K. Chị A và anh H đều có nghề nghiệp lao động tự do, có thu nhập ổn định và có sự hỗ trợ của gia đình nên đảm bảo điều kiện nuôi con. Cháu Nguyễn Ngọc H1 còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc tỉ mỉ của mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Nguyễn Ngọc H1 cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Nguyễn Ngọc K cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Chị A và anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản và nợ chung: Chị A và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, chị Phạm A được ly hôn anh Nguyễn Ngọc H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 26/9/2022 cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 04/7/2020 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị A và anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phạm A và anh Nguyễn Ngọc H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Phạm A đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Công theo biên lai thu số 0003105 ngày 12/8/2024. Chấp nhận chị Phạm A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Phạm A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Ngọc H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Công;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H. Nông Công;
- UBND thị trấn H2;
- Lưu hs, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trịnh Thị Hà

